

Bản án số: 34/2019/DS-PT

Ngày: 05-8-2019

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu
cầu xác định di chúc hợp pháp và chia di
sản thừa kế theo di chúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài và bà Phạm Thị Khánh Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân (Viết tắt là TAND)
tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số
17/2019/TLPT-DS ngày 13/02/2019 về việc “tranh chấp chia di sản thừa kế và
yêu cầu xác định di chúc hợp pháp và chia di sản thừa kế theo di chúc”. Do bản
án Dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của TAND huyện Tứ
Kỳ, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc
thẩm số 17/2019/QĐXX-PT ngày 13/5/2019; Thông báo mở lại phiên tòa, Quyết
định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐ-PT ngày 13/7/2019 và số 38/2019/QĐ-PT
ngày 26/7/2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn T, xã
Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh T (tên gọi khác: Phạm Văn T), sinh năm
1958; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh
Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn Nh, sinh năm 1991; Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã
Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Đường B, khu phố 7, phường L,
thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Đường B, khu phố 7, phường L, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn Nh và bà Phạm Thị Ng, Phạm Thị N: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của anh Nh là ông Phạm Văn Th trình bày: Cụ Phạm Văn L và cụ Trần Thị C có các con là ông Nguyễn Văn T (*tên gọi khác Nguyễn Thanh T*), bà Phạm Thị Ng, ông Phạm Văn Th và bà Phạm Thị N. Khi còn sống, cụ L và cụ C có tài sản gồm 684 m² đất trong đó 200 m² đất ở và 291 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa số 912 và 193 m² đất mặt nước nuôi trồng thủy sản tại thửa số 913 đều ở tờ bản đồ số 08 thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Diện tích đất trên đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên cụ L và cụ C. Ngày 16/3/2010, cụ L chết không để lại di chúc. Ngày 20/10/2014, cụ C chết có để lại di chúc, nội dung di chúc là để lại quyền sử dụng đất cho con của ông Th là anh Phạm Văn Nh được toàn quyền quản lý, sử dụng. Sau khi ông Th lấy vợ thì vợ chồng ông chung sống cùng với bố mẹ, còn bà Ng, bà N, ông Tầm đã có gia đình và ra ở riêng. Năm 2002, cụ Cảnh và cụ L đồng ý cho vợ chồng ông Th phá nhà cũ và xây dựng lại ngôi nhà mái bằng 3 gian trên diện tích đất đến năm 2008 mới hoàn thiện, năm 2014 vợ chồng ông mới xây công trình phụ. Năm 2016, ông T sống ở miền Nam đã về nhà đòi chia thừa kế đất của cụ L, cụ C. Ông T đã họp 4 chị em lại và thống nhất xác định phần đất có nhà xây dựng là tài sản của cụ C và sẽ để lại cho cháu Nh theo di chúc, còn phần đất của cụ L với diện tích 342 m² đất ao sẽ chia cho 4 người con mỗi người 85 m², tất cả chị em ông đều đồng ý như vậy. Nhưng đến ngày 01/6/2017 ông T đập phá tường bao của gia đình ông, rồi thuê người lấp cát xuống toàn bộ ao cá mà vợ chồng ông đang thả, ông T tuyên bố sẽ lấy toàn bộ diện tích đất ao. Ông Th khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn L theo quy định của pháp luật; xác định bản di chúc do cụ Trần Thị C lập ngày 25/4/2012 về việc cho con của ông là Phạm Văn Nh là hợp pháp và anh Nh được hưởng theo di chúc của cụ C. Ông và anh Nh có nguyện vọng lấy di sản bằng hiện vật. Đối với số tiền chi phí định

giá tài sản ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài các yêu cầu trên ông không đề nghị giải quyết vấn đề gì khác.

Bị đơn ông T khai: Do làm ăn kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng ông đã cho thuê nhà và đất ở tỉnh Gia Lai và về thuê nhà để ở tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Tài sản của bố mẹ ông để lại gồm 3 gian nhà mái bằng và công trình phụ xây trên diện tích 684 m² đã được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ, hiện do vợ chồng ông Th, bà L đang quản lý sử dụng. Đối với biên bản lập ngày 07/6/2016 (âm lịch) về chia thừa kế mỗi người 85,5m² đất, nay ông không đồng ý như vậy, nên đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ L, cụ C theo quy định của pháp luật. Đối với di chúc thể hiện cụ Trần Thị C đã để lại toàn bộ di sản cho anh Phạm Văn Nh, ông xác định di chúc không hợp pháp vì khi cụ C để lại di chúc ông không được biết. Còn nếu Tòa án xác định di chúc là hợp pháp thì ông cũng đồng ý và phần của anh Nh sẽ có công trình trên đất, phần còn lại sẽ chia theo quy định của pháp luật. Ông có nguyện vọng lấy di sản bằng hiện vật. Tháng 6/2017 vợ chồng ông đã thuê người chở cát và san lấp ao của bố mẹ hết số tiền là 47.350.000 đồng, tiền công san lấp hết 23 công mỗi công là 200.000 đồng, ông yêu cầu những người được hưởng di sản thừa kế phải trả cho vợ chồng ông tiền chi phí san lấp ao.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Phạm Thị Ng, Phạm Thị N khai: Về huyết thống gia đình, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như ông Th trình bày. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông Th ở trên đất của bố mẹ bà, đã làm nhà ở và công trình trên đất. Cụ chết không để lại di chúc, cụ C chết có lập di chúc để lại toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ cho cháu là Phạm Văn Nh. Bà Ng, bà N xác định di chúc này là hợp pháp và anh Nh được hưởng phần đất có các công trình trên đất, còn phần di sản của cụ L đề nghị chia theo quy định của pháp luật bằng hiện vật và bà Ng, bà Ng tự nguyện cho ông Th phần di sản mà hai bà được hưởng.

- Bà Nguyễn Thị L khai: Bà kết hôn với ông Th năm 1990, về quan hệ huyết thống của gia đình ông Th và nguồn gốc, quá trình sử dụng đất hiện đang tranh chấp đúng như ông Th trình bày. Bà xác định nhà mái bằng 3 gian và công trình phụ là do vợ chồng bà xây dựng trên diện tích đất của bố mẹ chồng. Cụ L chết không để lại di chúc, cụ C trước khi chết có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho anh Phạm Văn Nh (con của bà), bà nhất trí cho anh Phạm Văn Nh nhà và công trình phụ trên đất.

- Bà Nguyễn Thị M khai: Bà kết hôn với ông T năm 1981, về quan hệ huyết thống và nguồn gốc, quá trình sử dụng đất hiện nay đang tranh chấp như ông T trình bày. Bà xác định tháng 6/2017 vợ chồng bà đã thuê người chở cát, san lấp ao của bố mẹ ông T để làm nhà hết số tiền cát là 47.350.000 đồng, 23 công san lấp mỗi công là 200.000 đồng, bà yêu cầu những người được hưởng di sản thừa kế phải trả cho vợ bà tiền chi phí san lấp ao.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 28/11/2018, TAND huyện Tứ Kỳ đã quyết định: Áp dụng các điều 612, 623, 624, 627, 630, 631, 632, 634, 643, 659, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 165, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 về án phí và lệ phí Tòa án.Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn L, cụ Trần Thị C gồm: 01 nhà mái bằng diện tích 62,05 m² trị giá 180.558.679 đồng, công trình phụ mái lợp broximang trị giá 24.727.865 đồng tại thôn Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Th về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn L và cụ Trần Thị C gồm: Diện tích 200 m² đất ở nông thôn trị giá 100.000.000 đồng tại thửa 185 và 670 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 192.625.000 đồng tại thửa 186 đều ở tờ bản đồ số 17 thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương do vợ chồng ông Th, bà L đang quản lý.

- Xác nhận bản di chúc của cụ Trần Thị C lập ngày 25/4/2012 chỉ hợp pháp một phần; anh Nh được hưởng phần di sản của cụ C để lại có trị giá thành tiền là 175.575.000 đồng.

- Về hiện vật:

- + Giao cho anh Phạm Văn Nh quản lý sử dụng diện tích 435 m² trong đó 100m² đất ở trị giá 50.000.000 đồng và 335m² đất trồng cây lâu năm có trị giá 96.312.500 đồng, tổng trị giá 146.312.500 đồng tại thửa 286, 287 tờ bản đồ số 17 tại Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương và được quyền sở hữu gồm nhà 01 nhà mái bằng diện tích 62,05 m² trị giá 180.558.679 đồng, công trình phụ mái lợp broximang trị giá 24.727.865 đồng của ông Th bà L.

- + Giao cho ông Phạm Văn Th quản lý sử dụng diện tích 322m² trong đó có 75 m² đất ở trị giá 37.500.000 đồng, 247 m² đất trồng cây lâu năm đất có trị giá 71.012.500 đồng tại thửa 286, 287 tờ bản đồ số 17 tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương tổng trị108.512.500 đồng.

- + Giao cho ông Phạm Thanh T (Phạm Văn T) quản lý, sử dụng diện tích 113m² trong đó có 25 m² đất ở trị giá 12.500.000 đồng và 88 m² đất trồng cây lâu năm đất có trị giá 25.300.000 đồng.

- Tiền chi phí san lấp ao: Buộc ông Th phải chịu 36.512.500 đồng, Buộc ông Tầm phải chịu 12.837.500 đồng

- Buộc ông Th phải trả cho anh Nh số tiền 20.725.000 đồng (*tài sản được nhận nhiều hơn*) đối trừ số tiền 3.125.000 đồng (*tiền đo đạc và định giá*), ông Th còn phải trả là 17.600.000 đồng. Buộc ông T phải trả cho anh Nh số tiền 8.537.500 đồng (*tài sản được nhận nhiều hơn*). Buộc ông Th phải trả cho ông T, bà M số tiền san lấp ao 36.512.500 đồng đối trừ đi số tiền 781.250 đồng (*tiền đo đạc và định giá*), ông Th phải trả là 35.731.250 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về khoản tiền chi phí định giá, đo đạc, án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/12/2018, ông Th kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm phân chia đều di sản của cụ L cho cả 4 người con bằng hiện vật theo mặt đường và không đồng ý trả tiền san lấp cát cho ông T do khi ông Tầm san lấp cát, ông không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà L giữ nguyên quan điểm như ông Th trình bày.

Ông T, bà M không nhất trí nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:Thẩm phán, HĐXX, Thư Ký phiên tòa và những người tham gia tổ tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của TAND huyện Tứ Kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Th kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên kháng cáo phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nh, bà Ng, bà N vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của họ có mặt nên HĐXX tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn Th, HĐXX xét thấy:

[2.1] Về nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án chia đều cho tất cả những người trong hàng thừa kế thứ nhất bằng hiện vật. Do bà Ng và bà N để lại phần di sản cho ông nên ông phải được hưởng $\frac{3}{4}$ phần hiện vật trong tổng số di sản nhưng theo như cách chia của bản án sơ thẩm, ông T được hưởng phần hiện vật có chiều rộng mặt đường là 4m, còn ông, bà Ng, bà chỉ được hưởng phần đất có chiều rộng là 7.3m là không đúng. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế và kỹ phần của từng người trong hàng thừa kế được hưởng là phù hợp quy định của pháp luật. Hơn nữa, việc chia quyền sử dụng đất ở cho ông T phải đảm bảo hạn mức tối thiểu để ông T có thể được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Hải Dương “*quy định về hạn mức đất ở, hạn mức công nhận đất ở diện tích tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Hải Dương*”. Đối chiếu với quy định trên, cấp sơ thẩm giao cho ông Tầm quản lý sử dụng diện tích 113m², trong đó cạnh giáp mặt đường 4m là phù hợp thực tế nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Th về nội dung này.

[2.2] Về nội dung kháng cáo không chấp nhận thanh toán trả cho ông T, bà M số tiền 36.512.500 đồng chi phí san lấp ao vì khi ông T lấp ao, ông Th không đồng ý, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Văn Th là người chở cát và ông Đào Văn Kh là người dùng máy xúc để san lấp ao là thực tế gồm 131 chuyến mỗi chuyến giá 350.000 đồng thành tiền 45.850.000 đồng và 5 giờ san gạt cát mỗi giờ 300.000 đồng thành tiền là 1.500.000 đồng; tổng 47.350.000 đồng và 10 công của ông T bà M để san lấp mỗi công là 200.000 đồng thành tiền là 2.000.000 đồng; tổng là 49.350.000 đồng. Tuy ban đầu, ông Th không đồng ý để ông T lấp ao nhưng ông Th được giao sử dụng phần diện tích đất là 322m² phần đất ao do ông T san lấp. Cấp sơ thẩm đã buộc ông Th phải có trách nhiệm trả cho ông T chi phí lấp ao tương ứng với phần di sản được nhận là 36.512.500 đồng là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Th.

Tuy nhiên, HĐXX thấy cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm đối với phần nhận định trong bản án của cấp sơ thẩm không tính toán cụ thể và nêu lý do vì sao ông Th phải trả ông T số tiền 36.512.500 đồng tiền chi phí san lấp ao gây thắc mắc cho các đương sự, cũng như không nêu rõ lý do vì sao lại chia cho ông T diện tích 113m² quyền sử dụng đất có chiều bám mặt đường là 4m. Phần Quyết định của bản án sơ thẩm cơ bản là đúng quy định song để đảm bảo cho việc thi hành án được thuận lợi, HĐXX sẽ sửa lại phần quyết định của bản án sơ thẩm. Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Th. Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Phạm Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Th.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ các điều 612, 623, 624, 627, 630, 631, 632, 634, 643, 659, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 157, 158, 165, 166, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn L, cụ Trần Thị C gồm: 01 nhà mái bằng diện tích 62,05m² trị giá 180.558.679 đồng, công trình phụ mái lợp broximang trị giá 24.727.865 đồng tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Th về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn L và cụ Trần Thị C. Xác định di sản của cụ Phạm Văn L và cụ Trần Thị C gồm: Diện tích 200m² đất ở nông thôn trị giá 100.000.000 đồng, tại thửa 185 và 670m² đất trồng cây lâu năm trị giá 192.625.000 đồng, tại thửa 186, đều ở tờ bản đồ số 17 thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn L và bà Trần Thị C. Tổng trị giá là 292.625.000 đồng.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của của bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị N để lại phần di sản cho ông Phạm Văn Th được hưởng.

4. Xác nhận di chúc của cụ Trần Thị C lập ngày 25/4/2012 hợp pháp một phần. Anh Phạm Văn Nh được hưởng phần di sản của cụ C để lại có trị giá thành tiền là 175.575.000 đồng.

5. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn Th, bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Phạm Văn Nh tài sản gồm 01 nhà mái bằng diện tích 62,05 m² trị giá 180.558.679 đồng, công trình phụ mái lợp Broximang trị giá 24.727.865 đồng tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương

6. Về hiện vật:

+ Giao cho anh Phạm Văn Nh quản lý, sử dụng 435 m² quyền sử dụng đất, trong đó có 100m² đất ở trị giá 50.000.000 đồng và 335m² đất trồng cây lâu năm trị giá 96.312.500 đồng, tổng trị giá 146.312.500 đồng, tại thửa 286, 287 tờ bản đồ số 17 tại Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương, theo hình KLMNOPQRYSTXUWA1A2A3A4A5A6I (**Hình thể và độ dài các cạnh có sơ đồ kèm theo**). Anh Phạm Văn Nh được quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm nhà 01 nhà mái bằng diện tích 62,05 m² và công trình phụ lợp Broximang do bố mẹ tặng cho.

+ Giao cho ông Phạm Văn Th quản lý, sử dụng 322m² quyền sử dụng đất, trong đó có 75 m² đất ở trị giá 37.500.000 đồng, 247 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 71.012.500 đồng, tại thửa 286, 287 tờ bản đồ số 17 tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Tổng trị 108.512.500 đồng, theo hình BFGHIKDC (**Hình thể và độ dài các cạnh có sơ đồ kèm theo**).

+ Giao cho ông Phạm Thanh T (Phạm Văn T) quản lý, sử dụng 113m² quyền sử dụng đất, trong đó có 25 m² đất ở trị giá 12.500.000 đồng và 88 m² đất trồng cây lâu năm trị giá 25.300.000 đồng, tại thửa 286, 287 tờ bản đồ số 17 tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Tổng trị giá 37.800.000 đồng, theo hình ABCDEA (**Hình thể và độ dài các cạnh có sơ đồ kèm theo**).

7. Về tiền chi phí tố tụng (đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ và Định giá tài sản): Buộc anh Phạm Văn Nh phải chịu 3.125.000 đồng; ông Phạm Văn T chịu 781.250 đồng, ông Phạm Văn Th chịu 2.343.750 đồng.

8. Về tiền chênh lệch tài sản: Buộc ông Phạm Văn Th phải trả cho anh Phạm Văn Nh số tiền 20.725.000 đồng, trừ số tiền 3.125.000 đồng (*tiền chi phí tố tụng*), ông Th còn phải trả là 17.600.000 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc ông Phạm Văn T phải trả cho anh Phạm Văn Nh số tiền 8.537.500 đồng (Tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

9. Về tiền chi phí san lấp ao: Buộc ông Phạm Văn Th phải trả cho ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền 36.512.500 đồng, trừ đi số tiền 781.250 đồng (*tiền đo đạc và định giá*), ông Th còn phải trả là 35.731.300 đồng (*Ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi một nghìn ba trăm đồng*) (đã làm tròn).

Giao cho ông Phạm Văn Th có trách nhiệm xây dựng tường bao ranh giới giữa thửa đất của ông được giao với anh Nh, ông T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền như trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

10. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Th phải nộp 4.389.375 đồng. Trừ với số tiền tạm ứng án phí của ông đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002137 ngày 22/12/2017 và số tiền 3.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000667 ngày 24/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Trả lại ông Th số tiền 1.860.600 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng) (làm tròn).

Ông Phạm Thanh T (*Phạm Văn T*) phải nộp 1.463.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng) (làm tròn).

Anh Phạm Văn Nh phải nộp 8.778.800 đồng (Tám triệu bảy trăm bảy tám nghìn tám trăm đồng) (làm tròn).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại ông Phạm Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0000745 ngày 14 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

11. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

theo quy định tại các điều: 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân